CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Thủy điện Thác Mơ

Ngày 30/09/2025	61,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.3%	**-1.3%**	**-5.2%**

DT thuần
Q3/25
240
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 54.0| 28.8%
YoY: ▼16.0| -6.4%

LN thuần
Q3/25
132
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 32.0| 32.1%
YoY: ▼29.0| -18.0%

LN sau thuế
Q3/25
109
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 23.6| 27.5%
YoY: ▼23.0| -17.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
57.1%
YoY: +/-▲ 0.7%

ROE (TTM)
Q3/25
21.6%
YoY: +/-▼ 2.6%

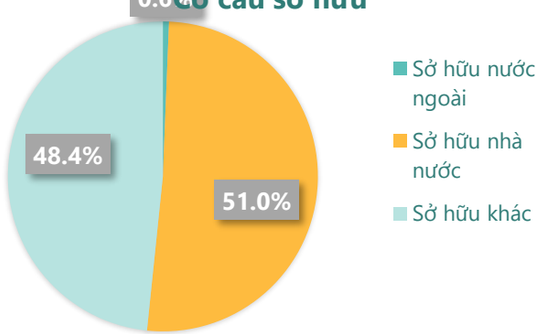
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	61,300 - 70,851
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,333
Số lượng CPLH (CP)	70,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,390
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.30
EPS	4,996
P/E	12.4

DT thuần
9T 2025
560
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 29.0| 5.6%

LN thuần
9T 2025
296
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.00| 0.2%

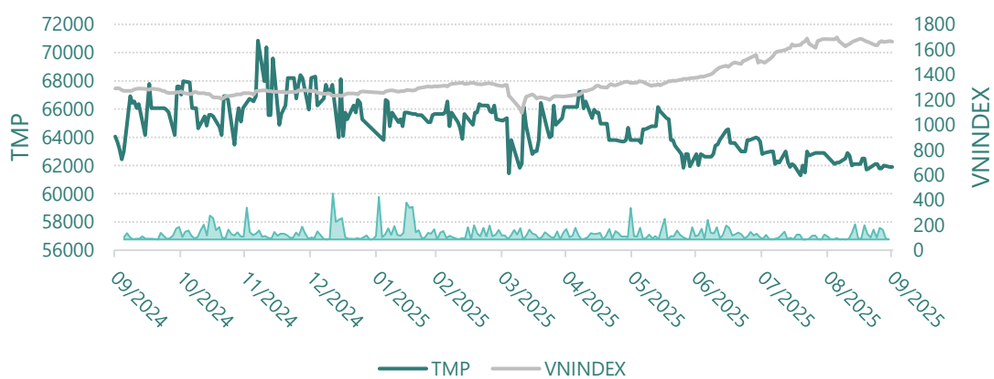
LN sau thuế
9T 2025
246
tỷ VNĐ

Cơ cấu sở hữu

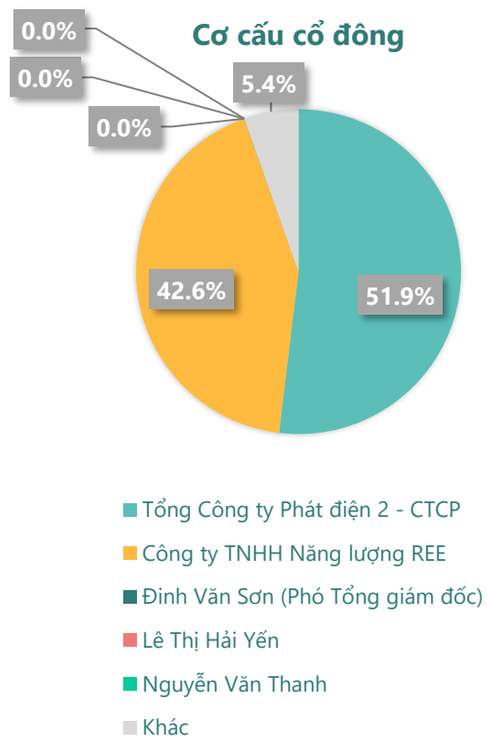


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



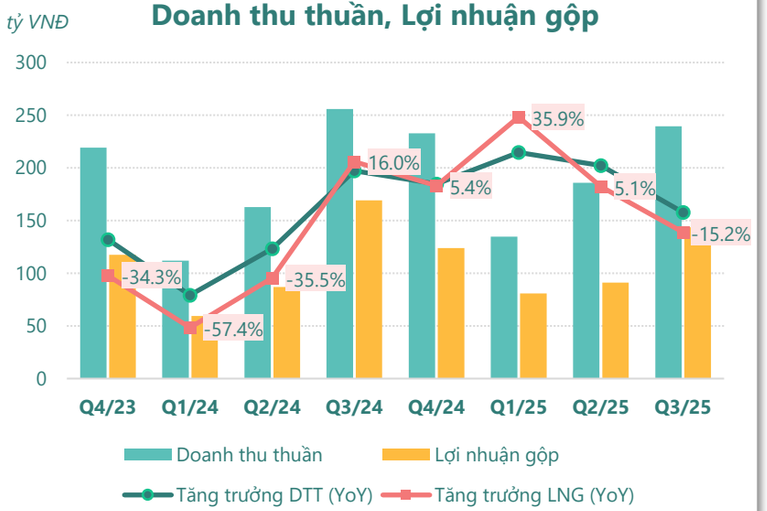
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

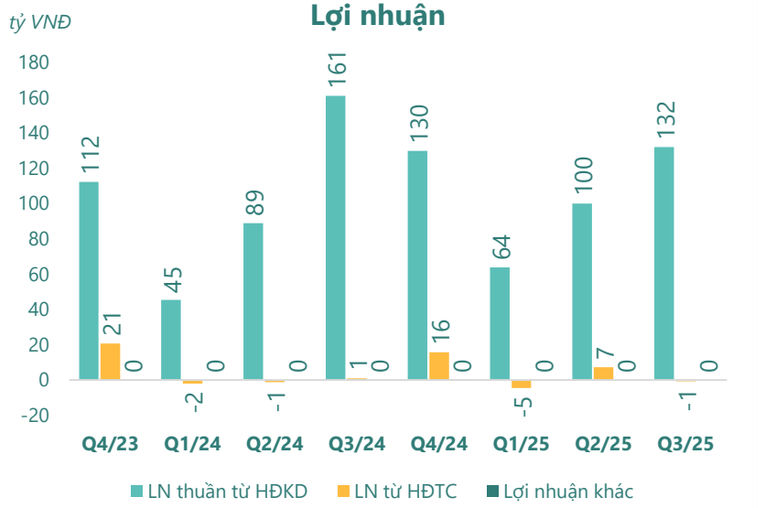
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



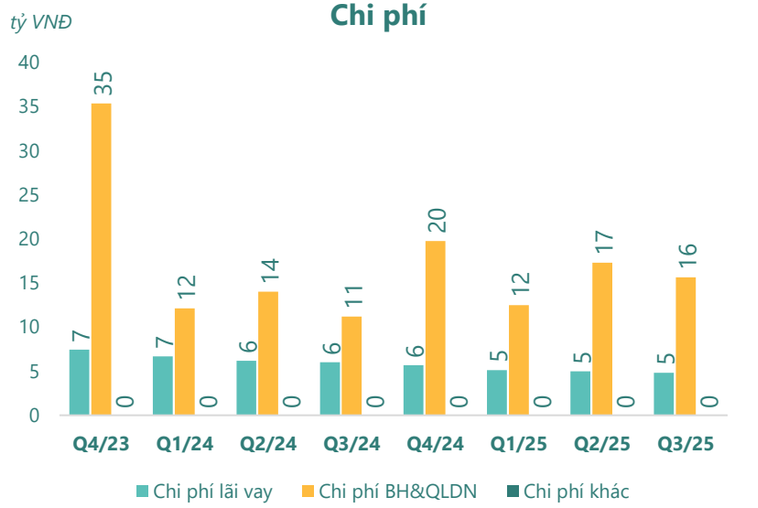
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



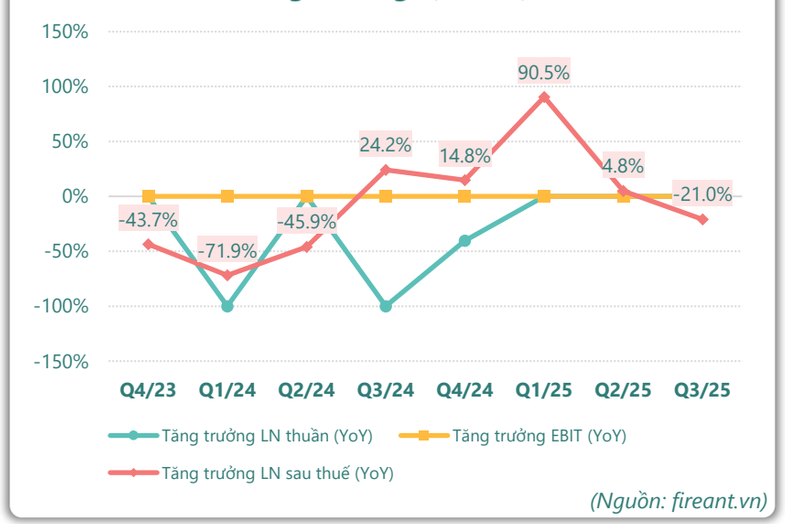
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



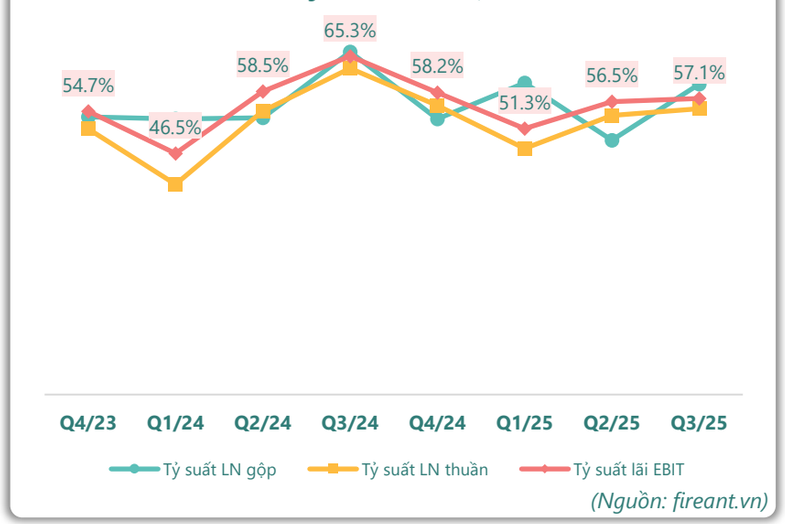
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



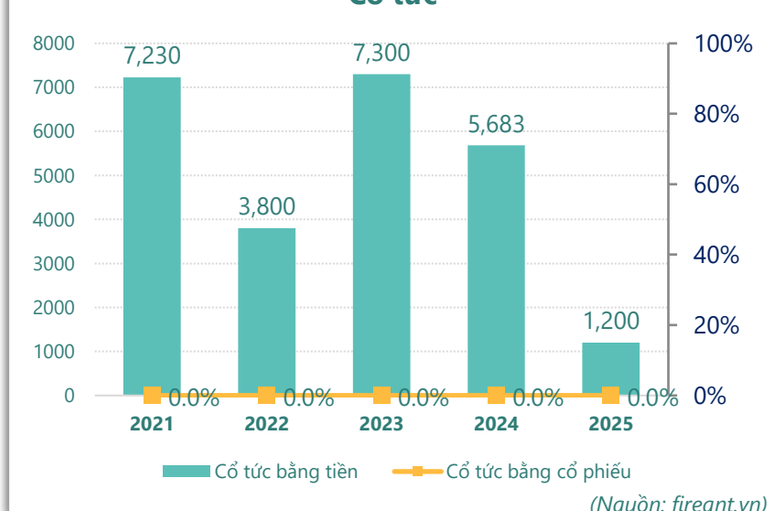
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



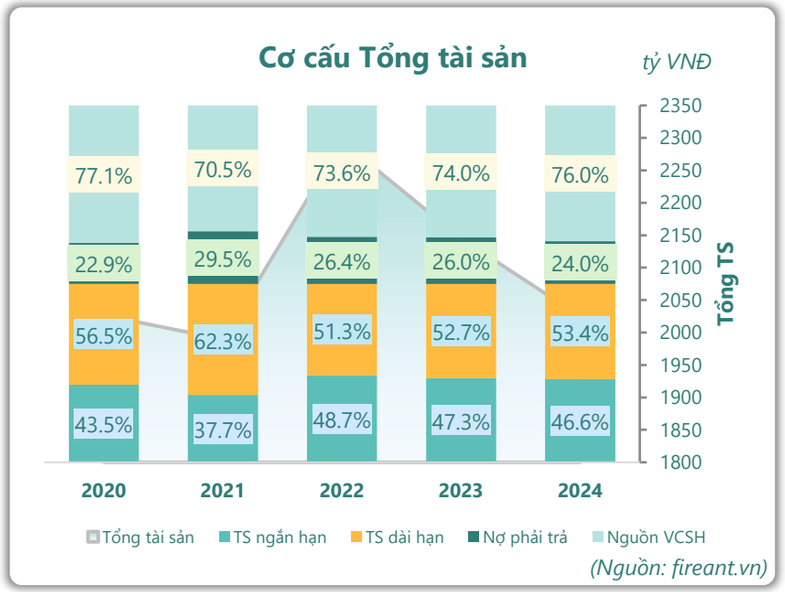
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

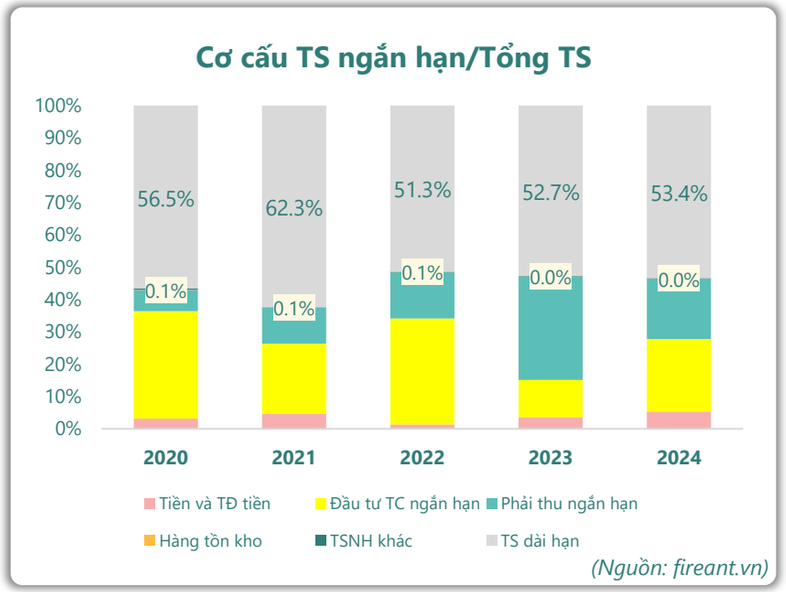


(Nguồn: fireant.vn)

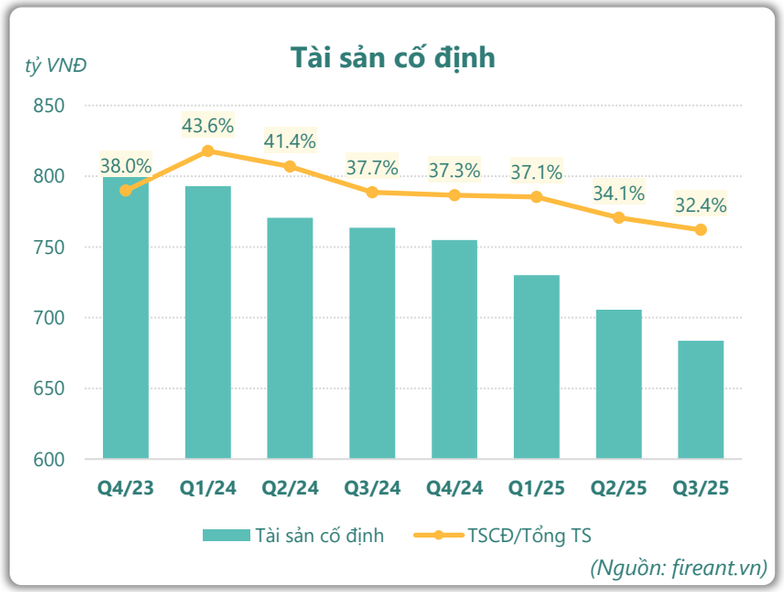
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



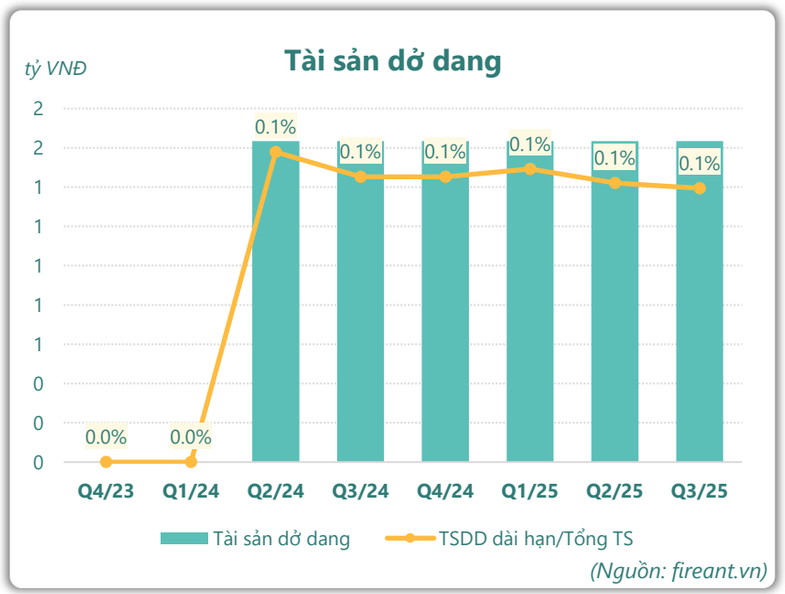
(Nguồn: fireant.vn)



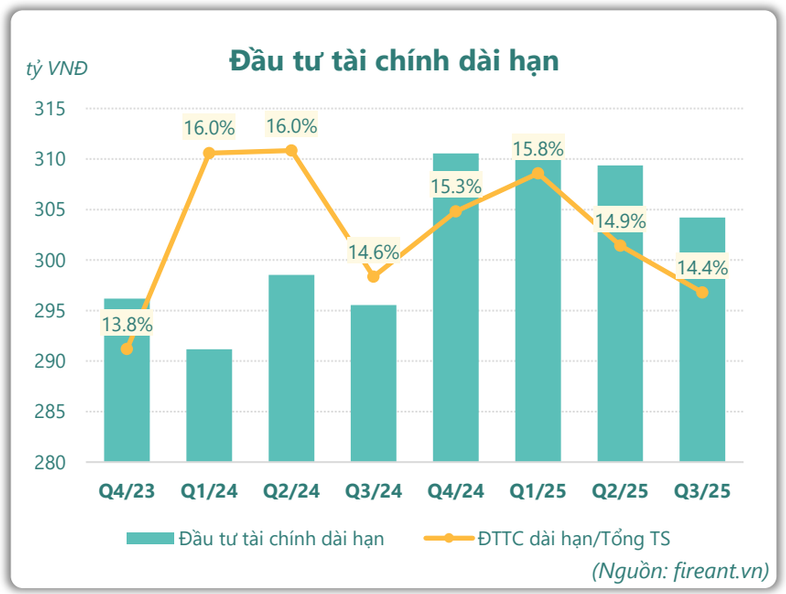
(Nguồn: fireant.vn)



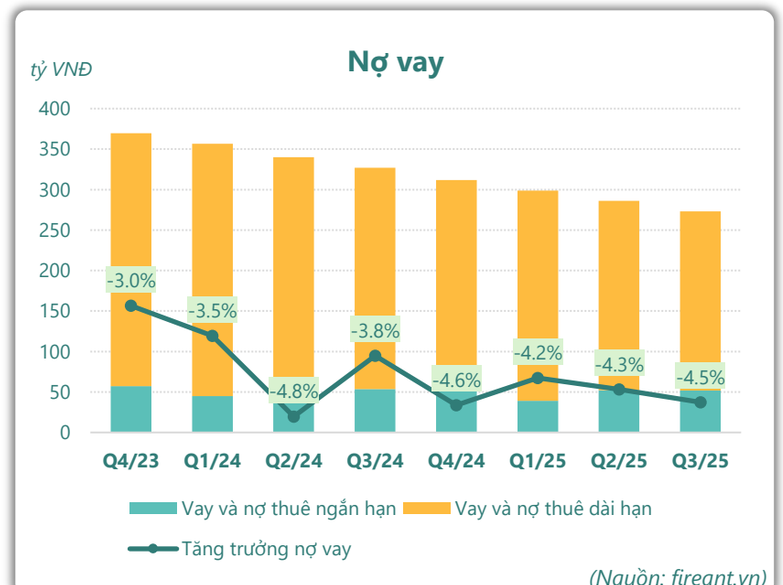
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



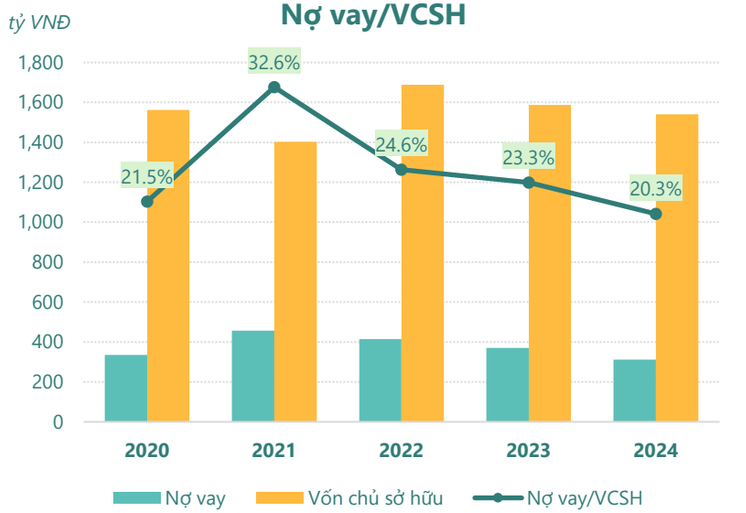
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

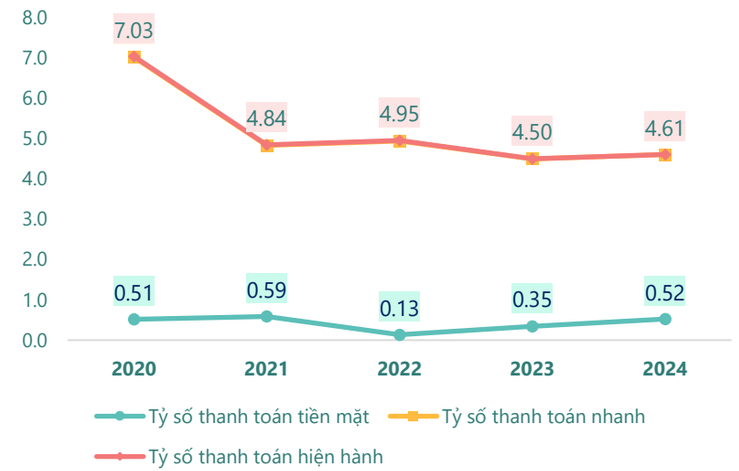
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



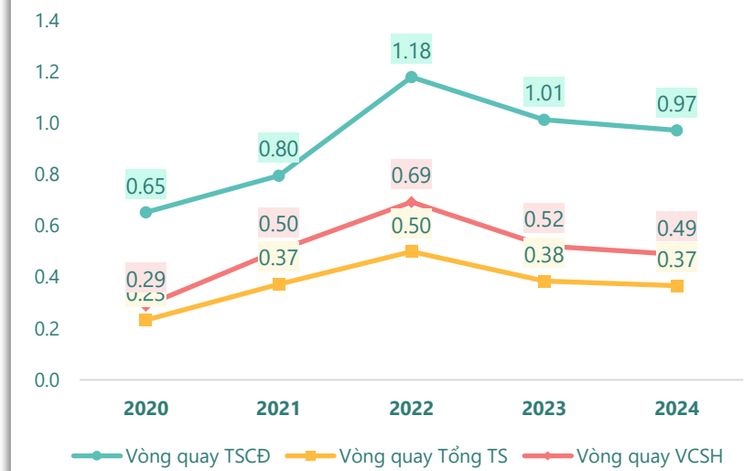
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



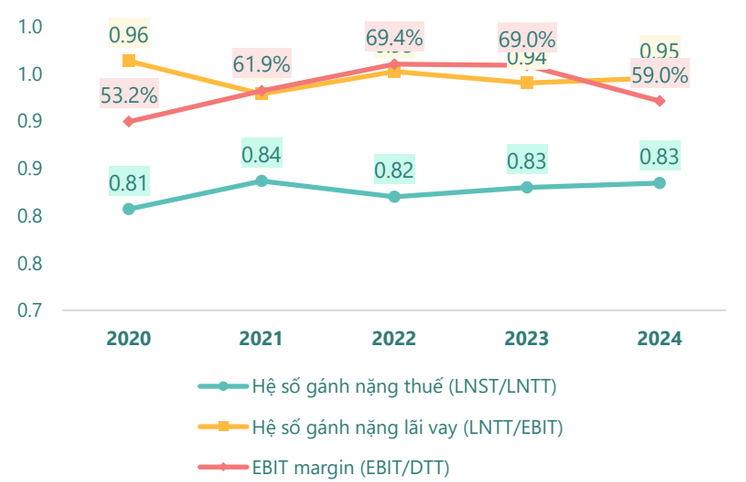
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



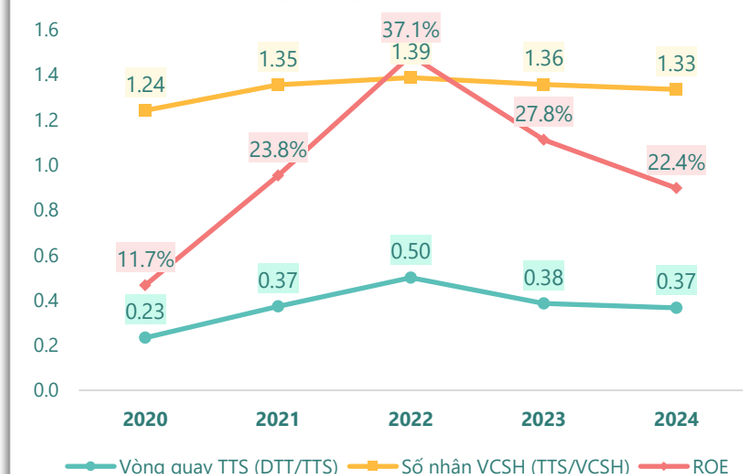
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



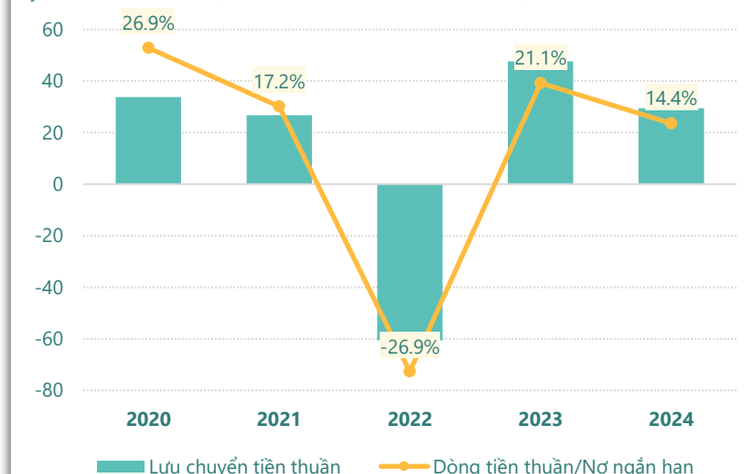
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**240**	**256**	**-6.4%**	**560**	**531**	**5.6%**
Giá vốn hàng bán	96.0	86.7	10.8%	245	215	13.7%
Lợi nhuận gộp	144	169	-15.1%	316	316	0.0%
Doanh thu HĐTC	4.15	7.01	-40.8%	17.1	16.6	2.5%
Chi phí TC	4.81	6.00	-19.9%	14.9	18.9	-21.0%
Chi phí lãi vay	4.81	6.00	-19.9%	14.9	18.9	-21.0%
LN trong công ty LKLD	**4.86**	**2.03**	**139%**	**23.7**	**19.4**	**22.1%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**15.6**	**11.2**	**39.7%**	**45.4**	**37.3**	**21.7%**
LN thuần từ HĐKD	132	161	-18.0%	296	295	0.2%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
LN trước thuế	132	161	-18.0%	296	295	0.2%
Lợi nhuận sau thuế	**109**	**132**	**-17.5%**	**246**	**246**	**0.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**107**	**130**	**-18.0%**	**242**	**243**	**-0.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	69.6	12.3	393	-61.3	221	212
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-37.4	-58.9	-191	38.1	-78.7	-212
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-37.0	-14.2	-140	-13.5	-18.4	-97.3
Tiền đầu kỳ	112	107	46.4	108	70.8	194
Lưu chuyển tiền thuần	**-4.74**	**-60.8**	**61.1**	**-36.7**	**124**	**-96.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	107	46.4	108	70.8	194	97.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,110**	**2,025**	**4.2%**
Tài sản ngắn hạn	1,108	944	17.4%
Tiền và tương đương tiền	97.6	108	-9.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	759	455	66.9%
Phải thu ngắn hạn	246	379	-35.2%
Hàng tồn kho	1.92	0.56	242%
Tài sản ngắn hạn khác	3.69	1.68	119%
Tài sản dài hạn	**1,002**	**1,081**	**-7.3%**
Phải thu dài hạn	0.91	0.90	1.1%
Tài sản cố định	684	755	-9.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.63	1.63	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	304	311	-2.0%
Tài sản dài hạn khác	**11.3**	**13.0**	**-13.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	423	485	-12.7%
Nợ ngắn hạn	**182**	**205**	**-11.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	51.8	51.9	-0.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.5	34.9	-67.0%
Nợ dài hạn	241	280	-14.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	221	260	-14.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,686**	**1,540**	**9.5%**
Vốn chủ sở hữu	**1,686**	**1,540**	**9.5%**
Vốn điều lệ	700	700	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)